

GÓP NHẬP LỜI PHẬT TỔ VÀ THÁNH HIỀN
HT. THÍCH DUY LỰC

Mục Lục:

- Lời Dịch Giả.
- Trích trong Lăng Nghiêm Tông Thông.
- Phẩm Phổ Môn.
- Trích lục: kinh Duy Ma Cát.
- Trích lâm gian lục.
- Trích lục trong Đại Huệ thiên sư thư.
- Trích trong Phật học về tôn giáo của nhân loại.
- Pháp môn an tâm.
- Trích trong của tổ Đạt Ma.
- Ba lần cảnh cáo khi sắp nhập niết bàn của Phật Thích Ca.
- Duy tâm quyết.
- Tiểu sử của ngài Vĩnh Minh.

---o0o---

Lời Dịch Giả:

Phật pháp là pháp bất nhị, tâm trí không thể đến được, nhưng người đời nay ưa thích đem tâm trí suy lường lời Phật Tổ, nên không đến được chỗ rốt ráo giải thoát.

Chúng tôi góp nhặt những lời chân thật của Phật Tổ và Thánh Hiền để chứng tỏ “tâm ngôn lộ tuyệt”.

Thích Duy Lực.

---o0o---

TRÍCH TRONG TỰC TẶNG
LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG
TẶNG PHỤNG NGHI

Sơ ư văn trung,
Nhập lưu vong sở.
Sở nhập ký tịch,
Động tịnh nhị tướng.

Liễu nhiên bất sanh,
Nhu thị tiệm tăng,
Văn sở văn tận.

Đoạn này như trong kinh đã nói: Giải thoát bước đầu tiên của căn này (*nhĩ căn*) được
nhơn không (*phá được nhân ngã chấp*)

Tận văn bất trụ,
Giác sở giác không.

Tức là trong kinh đã nói: Tánh không tròn đầy, sáng tỏ; được Pháp giải thoát (*phá
được ngã chấp*).

Không giác cực viên,
Không sở không diệt.

Tức là trong kinh đã nói: Giải thoát pháp chấp xong rồi thì cái không cũng chẳng sanh
(*phá được không chấp*).

Sanh diệt ký diệt,
Tịch diệt hiện tiền.

Tức là trong kinh đã nói: Do “Tam ma địa” (*Chánh định*) được “Vô sanh nhẫn” (*nhẫn
là “nhẫn khả” tức chứng ngộ*).

---o0o---

PHẨM PHỔ MÔN

Có kệ rằng:

Chơn quán thanh tịnh quán,
Quảng đại trí huệ quán,
Bi quán cập từ quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.

“Chơn quán” là “Nhị tướng chẳng sanh”.

“Thanh tịnh quán” là “Tận văn bất trụ”, “Giác sở giác không”.

“Quảng đại trí huệ quán” là “không giác cực viên” cho đến “Tịch diệt hiện tiền”.

Với Phật Như Lai đồng một từ lực gọi là “Từ quán”.

Với các chúng sanh đồng một bi ngưỡng gọi là “Bi quán”,

“Không giác cực viên” tức là trong kinh đã nói: Thân tâm chẳng thể đến.

“Sanh diệt đã diệt” tức là trong kinh đã nói: Sanh diệt cả hai đều là.

“Tịch diệt hiện tiền” tức là trong kinh đã nói: Thế thì thường chân thật.

Lấy kinh để chứng kinh thì nghĩa tự đầy đủ. Ông Tô Tử Do (*em của Tô Đông Pha*) có
luận: Lăng Nghiêm và Kim Cang là hai kinh kế hợp nhau.

Quán Thế Âm dùng văn, tu, tu làm đệ nhất viên thông, có lời nói rằng: “Sơ u văn trung, nhập lưu vong sở” cho đến “Tịch diệt hiện tiền” Nếu được như thế, trong khay móng tay thấu qua được ba lớp “Không” tức cùng chư Phật chẳng khác.

Về phần Kinh Kim Cang có nói đến người tứ quả:

- Tu Đà Hoàn: là Nhập Lưu mà chẳng có sở nhập, chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là Tu Đà Hoàn. Cho nên sự chứng của Tu Đà Hoàn đồng với “Sơ u văn trung, nhập lưu vong sở” của Ngài Quán Thế Âm nói: “Nhập lưu chẳng phải pháp có, chỉ là chẳng nhập lục trần, an nhiên thường trụ, ấy là Nhập Lưu thôi”.

- Cho đến Tư Đà Hàm gọi là “Nhất Vãng Lai” mà thật chẳng có vãng lai.

- A Na Hàm gọi là Bất Lai mà thật chẳng có bất lai, bởi vì “Vãng” thì nhập trần, “Lai” thì trở về căn bản.

Tư Đà Hàm dù đã được Vãng Lai mà chưa được chẳng vãng lai. A Na Hàm không những chẳng vãng mà cũng chẳng lai.

- Đến A La Hán thì cái ý Vãng Lai đều hết. “Vô pháp khả đắc”. Vậy thì tên gọi “Tứ quả” kỳ thực là một pháp. Chỉ trải qua ba lớp “Không”, nên có sự khác biệt của sâu cạn mà thôi.

Vậy lời của hai kinh vốn phù hợp với nhau, mà người thế gian chẳng hiểu nên phải nói trắng ra.

Theo Tăng Phụng Nghi thì Tô Tử Do là người đã gặp thiện tri thức, phát minh ý chỉ hai kinh, dù như mới lạ nhưng phải tự trong lòng phát xuất ra, cho đến câu: “Trong một khay móng tay ... cùng chư Phật chẳng khác” nếu chẳng phải đốn ngộ thì không thể nói lời này được.

Ghi Chú:

Chấp “Có” thì lấy “Không” để phá, đây là lớp thứ nhất. Chấp “Không” thì lấy “Không Không” để phá, đây là lớp thứ hai. Sau cùng “Không Không” cũng phải quét sạch, đây là lớp thứ ba.

---o0o---

TRÍCH LỤC: KINH DUY MA CẬT PHẨM THỨ SÁU - BÁT TƯ NGHÌ

Duy Ma Cật nói với Xá Lợi Phất rằng:

- Kẻ cầu pháp chẳng màng thân mạng, hưởng là sàng tọa.

- Kẻ cầu pháp chẳng cầu: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng cầu lục căn; lục trần; lục thức; chẳng cầu tam giới (Dục, Sắc, Vô Sắc).

- Xá Lợi Phất! Kẻ cầu pháp chẳng chấp trước cầu Phật, chẳng chấp trước cầu Pháp, chẳng chấp trước cầu Tăng.

- Kẻ cầu pháp chẳng cầu thấy khổ, chẳng cầu đoạn dứt tập khí phiền não, chẳng cầu chứng quả tu đạo. Tại sao?

- Pháp chẳng hý luận, nếu nói: Ta phải thấy khô, dứt tập khí, chứng diệt, tu đạo, thế là hý luận, chẳng phải cầu pháp.
 - Xá Lợi Phất! Pháp gọi là Tịch diệt, nếu hành theo sanh diệt là cầu sanh diệt, chẳng phải cầu pháp.
 - Pháp gọi là không nhiễm, nếu nhiễm nơi pháp cho đến Niết Bàn, thế là nhiễm trước, chẳng phải cầu pháp.
 - Pháp chẳng có chỗ hành, nếu hành nơi pháp, thế là chỗ hành, chẳng phải cầu pháp.
 - Pháp chẳng thủ xả, nếu thủ xả pháp thế là thủ xả chẳng phải cầu pháp.
 - Pháp chẳng xứ sở, nếu chấp trước xứ sở, thế là chấp trước xứ sở, chẳng phải cầu pháp.
 - Pháp gọi vô tướng, nếu theo tướng để biết, thế là cầu tướng chẳng phải cầu pháp.
 - Pháp chẳng thể trụ, nếu trụ nơi pháp thế là trụ pháp, chẳng phải cầu pháp.
 - Pháp chẳng thể kiến, văn, giác, tri, nếu hành theo kiến, văn, giác, tri, thế là kiến, văn, giác, tri, chẳng phải cầu pháp.
 - Pháp gọi vô vi, nếu hành hữu vi, thế là cầu hữu vi, chẳng phải cầu pháp.
- Cho nên Xá Lợi Phất, nếu là kẻ cầu pháp thì đối với tất cả pháp: “ung vô sở cầu”.

---o0o---

PHẨM THỨ BẢY - QUÁN CHÚNG SANH

Văn Thù hỏi Duy Ma Cật rằng: Bồ Tát quán chúng sanh phải như thế nào?

Duy Ma cật đáp: Giống như nhà ảo thuật thấy người huyền hóa của mình làm ra. Bồ Tát quán chúng sanh cũng như thế.

Văn Thù hỏi: Nếu Bồ Tát quán như thế làm sao làm hạnh Từ?

Duy Ma Cật đáp: Bồ Tát quán như thế rồi tự nghĩ “ta phải vì chúng sanh thuyết pháp này, như vậy tức là hạnh Từ chân thật”.

- Làm hạnh Từ tịch diệt, vì vô sở sanh.
- Làm hạnh Từ bất nhiệt (*không nóng*), vì không phiền não.
- Làm hạnh Từ bình đẳng, vì tam thế đều bình đẳng.
- Làm hạnh Từ vô tranh, vì không chỗ khởi.
- Làm hạnh Từ bất nhị, vì trong ngoài chẳng hợp.
- Làm hạnh Từ bất hoại, vì cứu cánh tận (*hết*).
- Làm hạnh Từ kiên cố, vì tâm chẳng hoại.
- Làm hạnh Từ thanh tịnh, vì pháp tánh thanh tịnh.
- Làm hạnh Từ vô biên, vì như hư không.
- Làm hạnh Từ A La Hán, vì phá được kiết tặc (*giặc phiền não*).
- Làm hạnh Từ Bồ Tát, vì khiến chúng sanh được an vui.
- Làm hạnh Từ Như Lai, vì được như thật tướng.

- Làm hạnh Từ của Phật, vì giác ngộ chúng sanh.
- Làm hạnh Từ tự nhiên, vì chẳng nhơn mà được.
- Làm hạnh Từ bồ đề, vì bình đẳng một vị (*mùì vị*).
- Làm hạnh Từ vô đẳng (không gì bằng) vì đoạn tất cả ái.
- Làm hạnh Từ đại bi, vì dẫn dắt theo đại thừa.
- Làm hạnh Từ vô yểm (*không chán*), vì quán KHÔNG, VÔ, NGÃ.
- Làm hạnh Từ pháp thí, vì thương mến chẳng thiếu sót.
- Làm hạnh Từ trì giới, vì giáo hoá kẻ phá giới.
- Làm hạnh Từ nhẫn nhục, vì hộ giúp cho người.
- Làm hạnh Từ tinh tấn, vì gánh vác chúng sanh.
- Làm hạnh Từ thiên định, vì chẳng thọ thiên vị.
- Làm hạnh Từ trí huệ, vì chẳng có lúc bất tri.
- Làm hạnh Từ phương tiện, vì thị hiện tất cả
- Làm hạnh Từ vô ỷ, vì tâm ngay thẳng thanh tịnh.
- Làm hạnh Từ thâm tâm, vì chẳng có hạnh phức tạp
- Làm hạnh Từ vô cưỡng (không nói dối) vì chân thật bất hư.
- Làm hạnh Từ an lạc, vì được sự vui của Phật.
- Hạnh Từ của Bồ Tát là như thế!

Văn Thù lại hỏi: Thế nào là Bi?

Đáp rằng: Công đức của Bồ Tát làm là chung cho tất cả chúng sanh.

Hỏi: Thế nào là Hỷ?

Đáp: Thấy chúng sanh được lợi ích thì lòng sanh hoan hỷ.

Hỏi: Thế nào là Xả?

Đáp: Làm việc phước đức mà không có sự hy vọng (Vô sở đắc).

Văn Thù hỏi thêm: Đối với sanh tử có sợ, Bồ Tát phải dựa vào đâu?

Đáp: Phải dựa theo sức công đức của Như Lai.

Hỏi: Muốn dựa theo công đức của Như Lai phải trụ nơi nào?

Đáp: Phải trụ nơi độ thoát tất cả chúng sanh.

Hỏi: Muốn độ chúng sanh phải trừ cái gì?

Đáp: Phải trừ phiền não cho họ.

Hỏi: Muốn trừ phiền não phải làm thế nào?

Đáp: Phải hành nơi chánh niệm.

Hỏi: Thế nào là hành nơi chánh niệm?

Đáp: Phải hành bất sanh bất diệt.

Hỏi: Pháp nào bất sanh, pháp nào bất diệt?

Đáp: Bất thiện chẳng sanh, thiện pháp chẳng diệt.

Hỏi: Thiện, bất thiện lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy thân làm gốc.

Hỏi: Thân lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy tham dục làm gốc.

Hỏi: Tham dục lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy hư vọng phân biệt làm gốc.

Hỏi: Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy điên đảo tưởng (*tu tưởng chấp thật*) làm gốc.

Hỏi: Điên đảo tưởng lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy vô trụ làm gốc.

Hỏi: Vô trụ lấy gì làm gốc?

Đáp: Vô trụ chẳng có gốc.

Nói đến đây Duy Ma Cật liền nhấn mạnh rằng: Văn Thù! Từ gốc vô trụ, lập tất cả pháp. (*Như thế mới là thật Vô sở trụ vậy*).

---o0o---

TRÍCH TRONG: LAI QUẢ THIÊN SƯ NGŨ LỤC BÀI CỨU TÂM

TÂM tại sao nói cứu? Kỳ thật là do sự ứng dụng hằng ngày của chúng ta chỉ biết có thân, không biết có Tâm. Xưa nay chỉ biết nói Tâm tức là thân, thân tức là Tâm, mê lầm cho thân tâm là một thể, mà chẳng biết có vọng tâm, có chơn tâm cho nên bất cứ lúc nào, nơi nào cũng hết lòng tận sức xúi giục cái tâm ngu si này, lo cho cái thân này được thể diện, được cao sang, được vừa lòng. Cứ cho cái thân đây cũng là ta (Tâm), đó cũng là ta, mà chẳng biết đã làm cho cái tâm Phật của ta ẩn giấu trong tạng phủ của cái thân này.

Tội nghiệp cho cái Tâm chẳng hiểu thấu thân này là cái vật gì, cứu cánh là ai, tại sao phải gánh vác cho một đống thịt này? Đi, đứng, nằm, ngồi chỗ này nói đùa, chỗ kia phá giỡn, nghe nhạc, xem hát, chỉ lo vừa lòng cho thân làm cho cái Tâm ngày đêm bận rộn, mà chẳng biết quay đầu lại để xem xét cái thân này là ai? Thân chẳng màng đến cái tâm lao nhọc mệt mỏi, cũng chưa từng cho Tâm được ngừng nghỉ chốc lát, hễ thân có bệnh thì Tâm phải lo gấp tìm thuốc men cứu chữa cho, hễ thân có tội thì Tâm phải lo gấp tìm cách cứu thoát cho, thân có vinh dự thì Tâm phải hoan hỷ giùm cho, để thêm vui mừng, khi thân sắp chết thì Tâm phải lo tìm chỗ chôn cất.

Cái Tâm luôn luôn vì cái thân lo này lo kia, lo mặc lo ăn. Chỉ cho thân này là ta, chưa từng có giây phút nào cho Tâm là Ta. Đến khi chết xuống âm phủ, Diêm La Vương buộc tội, không đòi buộc tội cái thân mà đòi buộc tội cái Tâm, cho tất cả nghiệp đều do Tâm tạo, chẳng do nơi Thân. Chừng đó khóc lóc kêu oan, ai dè bận rộn đến ngày nay mới biết Tâm ta bị thân lừa gạt! Cái thân đã lìa khỏi cái Tâm chẳng thờ, chẳng nói, thiêu thành tro, chôn thành đất, than ôi!

Cái Tâm suốt đời bận rộn, chỉ biết lo giùm cho thân, cuối cùng làm cho Tâm ta đọa vào địa ngục, khổ sở biết bao! Đến nay mới ăn năn hối hận. Tại sao trước kia chẳng tự biết quấy? Cứ hết lòng tận sức lo cho cái thân! Làm cho Tâm ta không tránh khỏi thai trâu, bụng ngựa, ngựa quỉ, súc sanh. Suy nghĩ kỹ lại thật là ngu si! Mình cứ ở trong lục đạo gần gũi cái thân này rồi đến cái thân kia, bị thân này thân kia lừa gạt một lần, hai lần, ba lần v.v... biết đến khi nào mới thôi!

Thật là đau lòng!

Lai Quả chí thành trăm lạy, xin chư Đại Đức cứu giúp Tâm này.

Đây gọi là CỨU TÂM.

---oOo---

TRÍCH TRONG LÂM GIAN LỤC

Ngài Văn Thù nói: “Nay làm những việc thiện vốn là chưa từng làm, tất cả pháp cũng vậy, đều đồng với trước kia” cho nên, ngay lúc làm mà chẳng làm vì chẳng có kẻ làm, đang lúc làm mà chẳng làm vì sự làm chẳng có tự tánh, mặc cho vạn pháp tung hoành, thường đồng với vô sanh. Nên biết: Nam châm nhất định là không có hút sắt, vô minh chẳng duyên chư hạnh.

Ông Bàn Uẩn lúc lâm chung có hai câu kệ rằng:

Không hoa lạc ảnh,

Dương diệm phiên ba.

Nghĩa là:

Hoa đốm trên không hiện ra hình bóng,

Dương diệm nổi lên làn sóng.

Ngài Vĩnh Minh tán thán rằng: Lời này không lọt vào kiến chấp “có” và “không”, khéo được ý chỉ Vô sanh, kẻ học nên quán sâu vào đó.

Đại Trí Độ Luận nói: “Người thường cho đất là kiên cố, tâm vô hình thể, ấy là lời hư vọng”. Phật nói tâm lực là lớn như núi, khi hành bát nhã ba la mật, có thể làm tan rã đại địa, làm thành vi trần. Địa có sắc, hương, vị, xúc, nặng nên chẳng có sở tác động. Thủy thiếu hương nên có tác động hơn Địa. Hỏa thiếu hương và vị nên có tác động hơn Thủy. Phong thiếu sắc, hương, vị nên có tác động hơn Hỏa. Tâm chẳng có sắc, hương, vị, xúc nên sức mạnh lớn hơn cả. Người Tâm nhiều phiền não trói buộc thì tâm lực yếu kém, kẻ thiện tâm hữu lậu, dù chẳng có phiền não, nhưng vì có tâm chấp lấy pháp tướng, nên tâm lực cũng còn kém. Tâm nhị thừa vô lậu dù chẳng chấp lấy tướng, nhưng còn chấp lấy pháp, nên tâm lực còn có số lượng, chẳng sử dụng hết được.

Chư Phật và Đại Bồ Tát thường ở nơi Thiên định, Trí huệ vô lượng vô biên, đối với sanh tử và Niết Bàn chẳng có phân biệt. Tâm lực chẳng có gì chướng ngại, trong một niệm có thể làm tan rã mười phương tất cả hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới thành bụi nhỏ. Nên biết cái sức lực của tâm lớn như thế, chỉ vì chúng sanh vọng chấp mà chẳng tự biết. Nói tóm lại: Thật tướng của tất cả các pháp, kỳ thực chẳng có khác biệt, chỉ vì trí huệ có cao thấp, nên tự cho là khác biệt mà thôi.

Tăng hỏi Ngưỡng Sơn Hòa Thượng: Hoà Thượng bình thường khai thị cho người học, thường vẽ tướng tròn là ý chỉ thể nào?

Đáp: Ấy là việc không đáng kể, nếu ông lãnh hội thì chẳng từ bên ngoài đến, nếu không lãnh hội thì cũng chẳng mất. Nay ta hỏi ông: Ông tham thiền học đạo, vậy các bậc Tôn Túc có chỉ trên thân ông cái nào là Phật Tánh của ông? Cho Nói là phải hay Nín là phải? Nếu cho Nói là phải thì như người mù mò lỗ tai, cái vòi, răng của con voi; nếu cho Nín là phải, tức là vô tư, vô niệm. Cũng như mò cái đuôi của con voi, nếu cho chẳng nói chẳng nín là Trung đạo, như mò cái lưng của con voi, nếu cho tất cả đều phải như mò bốn chân của con voi, nếu tất cả đều chẳng phải thì thành ra kéo con voi lọt vào “Không Kiến”. Chính đang lúc những kẻ mù đều nói thấy con voi, đâu có biết ở trên con voi chỉ diễn ra những tên gọi sai biệt thôi. Nếu ông thấu suốt được lục cú (Nói, nín, chẳng nói chẳng nín, cũng nói cũng nín, tất cả đều phải, tất cả đều chẳng phải) thì đừng nên mò con voi là tốt nhất. Chớ nên nói cái giác chiếu soi hiện nay là phải, cũng chớ nên nói là chẳng phải. Cho nên Tổ sư nói:

Bồ Đề bốn vô thị,
Diệc vô phi Bồ Đề.
Cánh mịch Bồ Đề xứ,
Chung thân lụy kiếp mê.

Nghĩa là:

Bồ Đề vốn chẳng có thị phi tương đối, vì người mê chấp có Bồ Đề thật muốn tìm chỗ Bồ Đề, thì sự mê từ kiếp này sang kiếp khác còn hoài.

Bồ Tát Long Thọ nói: “Giả sử sanh có trước, sau mới có lão tử, chẳng có lão tử mà có sanh, thì sanh chẳng có lão tử”. *(Nếu chẳng cần Lão Tử mà có sanh thì sự sanh đó độc lập, không cần có Lão Tử, nhưng chúng ta thấy rõ ràng sanh có lão tử, cho nên sanh có trước là không đúng).*

Nếu trước có lão tử, sau mới có sanh, là chẳng có nhân, chẳng sanh mà có lão tử!

Nếu lấy hai bài kệ này để quán sự sanh tử của chúng sanh, cũng như muốn tìm chỗ bắt đầu của vòng tròn, là chẳng có chỗ đúng, cho nên chúng ta được biết: “Người xưa ngộ được ý này, ở nơi đi và trụ đều chẳng bị chướng ngại, là do sự quán được vạn vật bất nhị mà thôi”.

Kinh Duy Ma Cật nói: “Văn Thù khéo đến, chẳng có tướng đến mà đến, chẳng có tướng thấy mà thấy”.

Văn Thù đáp: Đúng vậy! Nay cư sĩ! Nếu đến rồi thì chẳng còn đến nữa, nếu đi rồi thì không còn đi nữa. Tại sao? Vì kẻ đến không có chỗ xuất phát, kẻ đi không có chỗ đến, sự đã thấy không còn thấy.

Khởi Tín Luận nói: “Nếu Tâm có tướng thấy thì có cái tướng chẳng thấy. Chân tâm lia thấy tức là cái nghĩa chiếu soi khắp nơi”. Nếu có tướng khứ lai và tướng thấy, thì mất cái nghĩa chánh rồi. Cũng như người thường nói: Tánh của gió vốn là động, thật thì không đúng. Gió vốn chẳng động mà có sức làm động vạn vật. Nếu gió vốn có động thì mất tự thể, chẳng còn có sức động nữa. Do đó được biết: Sự động là để tỏ bày sự chưa từng động, sự khứ lai và tướng thấy cũng vậy.

Phật xưa có bài kệ rằng:

Có người cuốc đất lộ,
Lấy làm thành pho tượng,
Kẻ ngu nói tượng sanh,

Người trí nói đất lộ,
Sau bị quan xét ra,
Lấy tượng đắp lại lộ,
Tượng vốn chẳng sanh diệt,
Lộ cũng chẳng mới cũ.

Bài kệ của Ngài Tường Công:

Hoàng Long lão Hòa Thượng,
Có lời thiền sanh duyên.
Sơn Tăng nói pháp Ngài,
Nay vì ông kê ra.
Để cho ông thấu suốt,
Mèo biết rình bắt chuột.

---o0o---

TRÍCH LỤC TRONG ĐẠI HUỆ THIỀN SƯ THƯ

Sợ hãi sanh tử mà gốc nghi ngờ chẳng hết, thì trăm kiếp ngàn đời trôi theo nghiệp mà thọ báo, trôi lên hụp xuống chẳng có lúc dừng, tốt nhất là mạnh dạn một phen nhổ sạch gốc Nghi, bèn có thể chẳng rời tâm chúng sanh mà thấy tâm Phật. Nếu có nguyện lực từ hồi trước, gặp bậc thiện tri thức chân chánh, dùng phương tiện khéo léo dẫn dắt thì có gì mà khó! Thấy chẳng? Cổ Đức nói: “Sông hồ không có tâm làm chướng ngại người; Phật Tổ chẳng có ý gạt gẫm người. Chỉ tại đương nhân qua chẳng được, chớ chẳng nên nói sông hồ làm chướng ngại người. Ngôn giáo của Phật Tổ tuy chẳng gạt gẫm người, mà chỉ vì người học đạo nhận lầm phương tiện, ở trong một ngôn, một cú, câu diệu, câu huyền, câu đặc câu thất, do đó mới thấu triệt chẳng được, chớ chẳng nên nói Phật Tổ gạt người. Như người mù chẳng thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng là lỗi của người mù chớ chẳng phải lỗi của mặt trời, mặt trăng”.

Đây là học cái đạo lia tướng văn tự, lia tướng phân biệt, lia tướng ngôn ngữ này vậy.

THƯ GỬI TRƯỞNG ÍCH CHÍ

Chúng sanh hằng ngày hiện hành vô minh, nên hễ thuận với vô minh thì sanh hoan hỷ, còn nghịch với vô minh thì đâm ra phiền não. Phật, Bồ Tát chẳng phải thế, các Ngài lại dựa vào vô minh để làm phật sự. Vì chúng sanh lấy vô minh làm nhà cửa, nghịch với vô minh là phá nhà cửa của chúng sanh, nên Phật, Bồ Tát thuận với vô minh là để theo cái chấp trước của chúng sanh mà dẫn dụ họ. Ngài Vĩnh Gia nói: “Thật tánh vô minh tức Phật tánh, Thân không huyền hoá tức Pháp thân” là cái đạo lý này vậy.

THƯ GỬI TRIỆU SƯ TRỌNG

Cái đạo lý này hướng lên trên sự việc tìm tòi thì nhanh, còn nếu hướng xuống dưới cái ý căn suy nghĩ tính toán thì càng thấy xa vậy. Do đó, ông già Thích Ca trên hội Pháp Hoa chỉ độ được đứa bé gái tám tuổi, trên hội Niết Bàn chỉ độ được một gã đồ tể, trên hội Hoa Nghiêm chỉ độ được một đồng tử. Xem cách thức thành Phật của ba vị đó, họ có từng hướng ra ngoài để cầu chứng đắc, cực khổ siêng năng tu hành gì đâu! Phật cũng chỉ nói “Nay ta vì ông bảo nhậm việc này”, chẳng hề hư dối vậy. Chỉ nói vì người bảo nhậm mà thôi, chứ chẳng nói có pháp có thể truyền, để cho ông hướng ra ngoài tìm cầu, rồi sau đó mới thành Phật.

May mắn có được thể cách như thế, tại sao không tin? Ví như lập tức tin nổi, chẳng hướng ra ngoài tìm cầu, cũng chẳng có chứng đắc ở trong tâm, thì bất cứ chỗ nào lúc nào cũng được giải thoát. Sao vậy? vì đã không hướng ra ngoài tìm cầu, thì trong tâm lặng lẽ yên tịnh, vì đã chẳng chấp có chứng đắc thì ngoại cảnh u nhân.

BÀI KỆ của CỒ ĐỨC:

Phong động tâm diêu thọ,
Vân sanh tâm khởi trần.
Nhược minh kim nhật sự,
Muội khước bản lai nhân.

Dịch nghĩa:

Gió động tâm thổi cây,
Mây sanh tánh nổi trần.
Nếu rõ việc hôm nay,
Che khuất mặt bản lai.

Giảng nghĩa:

Thấy gió động, tự tâm thổi cây,
Biết mây sanh, tự tánh nổi trần.
Nếu thấy biết rõ việc hôm nay,
Tức là che khuất mặt bản lai.

Gió thổi, mây bay, cho đến tam tạng giáo điển, tất cả phật pháp đều là việc hôm nay.

---o0o---

TRÍCH TRONG PHẬT HỌC VỀ TÔN GIÁO CỦA NHÂN LOẠI

Tất cả tôn giáo trên thế giới đều phải có đủ các yếu tố sau đây:

- 1- Oai quyền.
- 2- Nghi thức.
- 3- Suy lường.
- 4- Truyền thống.
- 5- Thần trị và ân điển.

6- Thần bí.

Về tôn giáo của nhân loại, sáu yếu tố này đã phát huy được tác dụng trọng yếu, nhưng mỗi thứ yếu tố ấy đều có thể làm mất sự không chế mà sanh ra các tệ đoan. Tệ đoan này làm cho thực cảnh của tôn giáo ngày càng hoang vu, hủ bại (mục nát), lạc đề, đầy thất bại và lẫn lộn trong mê tín.

Phật Thích Ca quyết tâm rửa sạch miếng đất hoang vu này, để cho chân lý được mọc mầm. Phật giáo đối với sáu yếu tố này đều không có một chút dính dáng. Do đó làm cho người ta hoảng sợ, vì theo cách quan sát của người thường, nếu một tôn giáo mà thiếu sáu yếu tố này thì không thể tồn tại được.

Nhưng sự thực này đều được chứng tỏ như sau:

I- Phật Thích Ca Hoằng Dương Một Tôn Giáo Chẳng Có Oai Quyền.

Đặc quyền của Bà La Môn đứng trên bốn giai cấp ở Ấn Độ đều bị Phật quét sạch.

Phật nói với mọi người, chớ nên tin và ý lại thói quen của thế tục, chớ nên vì thấy một học thuyết ở trên kinh điển mà cho là phù hợp với tín ngưỡng của mình, hoặc vì lời khai thị của Đạo Sư mình, mà mình lại tin và mến nó cho nó là ngọn đèn của mình.

Chúng ta ở hiện tại cho đến sau khi chết chỉ tin nơi chính mình, chẳng cần sự tiếp tay của người khác. Chỉ có khả năng của chính mình mới đạt được cảnh giới tối cao.

II- Phật Hoằng Dương Một Tôn Giáo Chẳng Có Nghi Thức.

Phật cho rằng tất cả nghi thức điển lễ chỉ có hiệu lực bó buộc tinh thần của con người. Về điểm này, nhiều tác giả hình dung Phật giáo chẳng thuộc về lý tánh đạo đức tôn giáo nào cả.

III- Phật Hoằng Dương Một Tôn Giáo Chẳng Có Suy Lường.

Lý do này rất đơn giản. Đối với sự cầu tri giải của tham dự. Phật cho là không thể giúp trong việc khai mở trí huệ. Thí dụ như một người bị một mũi tên độc bắn trúng, không cho thầy thuốc chữa liền, mà còn để tìm hiểu mũi tên người bắn v.v... thì như thế, người bị thương sẽ chết trước khi tìm hiểu được.

IV- Phật Hoằng Dương Một Tôn Giáo Chẳng Có Truyền Thống.

Phật kêu gọi một tín đồ từ chỗ bị đè ép nặng nề mà tự giải thoát, chớ nên tôn sùng ý lại và giữ lại những lời dạy bảo của đời trước truyền xuống. Nếu tín thọ phụng hành những giáo điều ấy, sẽ làm cho mình bị mê hoặc và đau khổ, biết đến khi nào tự giác, tự chứng được chính mình! Phật cho rằng nên cắt đứt truyền thống đời xưa là tốt nhất.

V- Phật Hoằng Dương Một Tôn Giáo Nhấn Mạnh Tự Lực, Không Cầu Ân Điển.

Vận mệnh của mình không do người khác định đoạt, dù là thần, tiên cho đến Phật cũng không giải thoát dùm cho mình được, mà phải nhờ tự lực mới giải thoát đến cùng tốt.

VI- Phật Hoằng Dương Một Tôn Giáo Không Thần Bí.

Phật nói tất cả bói toán, tiên tri... đều là môn học thấp kém, không cho môn đồ làm những phép thần bí này. “Phàm dùng tà thuật để hiển bày kỳ lạ, đều chẳng phải đệ tử của ta, làm phép thần bí là một việc rất nguy hiểm”.

Khi Phật tại thế, Phật luôn luôn phòng ngừa sáu yếu tố có hại kể trên sẽ xâm nhập vào Phật giáo. Vậy mà sau khi Phật diệt rồi, những tệ hại của sáu yếu tố này lần lần tràn ngập khắp.

Nhưng sự di hại này không làm mất bản chất chân thật của Phật giáo, mà chúng tôi nhận thức như sau:

1- Rất chú trọng kinh nghiệm trực tiếp.

Xưa nay, chưa có một tôn giáo nào hoàn toàn dùng cách phán đoán do kinh nghiệm trực tiếp để làm sáng tỏ lập trường kinh nghiệm trực tiếp của cá nhân, mới là sự khảo nghiệm chân lý tối hậu đối với mọi vấn đề. Chớ nên y cứ vào một luận lý hoặc suy lý hay biện luận nào. Một đệ tử chân chính của Phật cần phải tự mình chứng ngộ mới được.

2- Rất khoa học.

Kinh nghiệm trực tiếp dẫn cho là sự phán đoán sau cùng, nhưng mục đích của nó là làm sáng tỏ sự quan hệ nhân quả của thế hệ sanh tồn, nghĩa là: Bĩ tồn tại thì thử tồn tại, bĩ chẳng tồn tại thì thử chẳng tồn tại.

3- Rất thực dụng.

Phật xóa bỏ tất cả các suy lường và tìm cầu bên ngoài, mà tập trung chú ý về sự giải quyết vấn đề thực tế. Lời dạy của Phật chỉ là phương tiện tạm thời, chẳng có giá trị nào khác. Cũng như chiếc bè chỉ để qua sông, khi qua đến bờ bên kia rồi, thì thành vô dụng.

4- Trị liệu.

Phật nói “Ta chẳng ý kiến của người. Ta chẳng hỏi tôn giáo của người, Ta chỉ hỏi người có bệnh gì?”

Phật nói “khổ và cách dứt khổ, bệnh và cách dứt bệnh, ta chỉ khai thị cho người việc này”.

5- Nhân bản.

Phật thuyết pháp chẳng từ sự bắt đầu của vũ trụ, chỉ nói về thực tế của con người, nói về vấn đề của con người, tánh chất của con người và động lực phát triển của con người mà thôi.

6- Rất dân chủ.

Phật phê bình và đã kích chế độ giai cấp, nhất là sự thiết lập năng lực khuynh hướng về chế độ truyền thừa.

Phật sanh ra từ giòng vua chúa, thuộc giai cấp thống trị, lại còn là Tăng sĩ Bà La Môn (*có đặc quyền đứng trên bốn giai cấp ở Ấn Độ*) mà vẫn quyết định đả phá giai cấp, chẳng màng địa vị xã hội của mình, lấy sự bình đẳng mà đối với đại chúng.

7- Tự tánh tự độ.

Phật pháp là vì sự lợi ích chung cho tất cả chúng sanh, nhưng rất chú trọng về phương tiện tu tập của cá nhân. Đối tượng của Phật thuyết pháp là mỗi cá nhân, Phật muốn mỗi người đều nhìn ngay chính mình để đạt được Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên Phật nói với A Nan rằng: “Người hãy làm đèn sáng cho chính mình, người phải làm nơi nương tựa cho chính mình, chớ nên nương tựa bên ngoài, phải siêng năng tu tập để giải thoát cho mình”.

Ghi Chú:

Chế độ truyền thừa: Cha làm vua thì con cháu là giai cấp vua; cha làm nô lệ thì con cháu là giai cấp nô lệ.

PHÁP MÔN AN TÂM CỦA TỔ ĐẠT MA

Lúc mê thì người đuổi theo Pháp (còn pháp chấp), lúc ngộ thì Pháp đuổi theo người (hết pháp chấp); mê thì sắc thân làm chủ Tâm thức, ngộ thì Tâm thức làm chủ sắc thân, hễ có khởi Tâm phân biệt so đo cái hiện lượng của tâm thức, thì đều như mộng huyễn, nếu Tâm thức tịch diệt, chẳng còn chỗ móng khởi, gọi là Chánh giác.

Hỏi: Thế nào là hiện lượng của Tâm thức?

Đáp: Thấy tất cả pháp Có, Có chẳng tự Có, do tự tâm chấp thật thành Có; thấy tất cả pháp Không, Không chẳng tự Không, do tự Tâm chấp thật thành Không, cho đến bất cứ pháp nào cũng vậy, đều do tự tâm chấp Có chấp Không mà thành.

Nếu tạo tất cả tội mà người ấy tự thấy được Pháp Vương của mình (*kiến tánh triệt để*), thì liền được giải thoát. Nếu ở nơi sự được ngộ thì sức dụng mạnh hơn, nơi sự mà thấy được pháp tánh (*tự tánh*) thì bất cứ ở chỗ nào đều chẳng mất chánh niệm, nơi vẫn tự được ngộ thì sức dụng yếu kém. Sự tức là Pháp, Pháp tức là Sự, Sự và Pháp chẳng hai chẳng khác, dẫn cho người chạy nhảy nhào lộn, đủ thứ vận dụng đều chẳng ra ngoài phạm vi của pháp giới. Nếu đem pháp giới để nhập pháp giới, ấy là kẻ ngu si, bất cứ làm việc gì đều chẳng ra ngoài pháp giới tâm, tại sao? Vì Tâm thể tức là Pháp giới vậy.

Hỏi: Người thế gian đủ thứ tu học, tại sao chẳng đắc đạo?

Đáp: Vì thấy có TA nên chẳng đắc đạo. TA tức là NGÃ. Bậc thánh gặp khổ chẳng lo, gặp vui chẳng mừng, vì chẳng thấy có TA, nên chẳng biết khổ vui, vì quên mình nên mới được đến chỗ hư vô, TA còn tự quên thì đâu còn sự vật nào mà chẳng quên!

Hỏi: Pháp đã là KHÔNG thì còn ai tu đạo?

Đáp: Có “Ai” mới cần tu đạo, nếu không có “Ai” thì chẳng cầu tu đạo. Cái Ai này chính là ngã, nếu không chấp ngã thì gặp sự vật gì đều chẳng sanh tâm phải quấy, phải do ta tự phải, mà sự vật chẳng phải, quấy do ta tự quấy, mà sự vật chẳng quấy, nơi tâm vô tâm, ấy gọi là thông đạt Phật đạo. Nơi vật mà chẳng khởi tri kiến gọi là đạt đạo. Hễ gặp sự vật nào cũng liễu đạt nguồn gốc của nó thì người ấy được khai mở Huệ nhãn.

Người trí tùy sự vật mà chẳng tùy tự kỷ (*hết ngã chấp*) nên chẳng có thuận nghịch lấy bỏ, kẻ ngu tùy tự kỷ (*còn ngã chấp*) chẳng tùy sự vật nên có thuận nghịch lấy bỏ. Chẳng thấy một vật gọi là kiến đạo (*thấy vật chẳng chấp thật cũng như chẳng thấy*), chẳng hành một vật gọi là hành đạo, ở tất cả nơi chẳng có nơi (*ở tất cả nơi chẳng chấp thật cũng như chẳng nơi*), ngay khi làm mà chẳng có năng làm, chẳng có sở làm, tức là thấy Phật. Lúc thấy có tất cả tướng tức là có cái kiến chấp để chấp tướng nên bị đọa địa ngục, do chiếu soi thấu triệt pháp tánh nên được giải thoát. Hễ có sự tướng nhớ phân biệt, ấy đều là những việc của bên chảo dầu sôi, lò lửa than, liền hiện tướng sanh tử. Nếu thấy pháp giới tánh (*tức là thấy tự tánh, cũng gọi là Niết Bàn tánh*) chẳng có sự tướng nhớ phân biệt, tức là pháp giới tánh.

Vì tâm chẳng phải sắc (*vật chất*) nên phi hữu, thường dụng mà chẳng gián đoạn nên phi vô, dụng mà thường không nên phi hữu, không mà thường dụng nên phi vô (*chữ phi ở đây là công cụ để phá chấp, không được cho là chẳng phải*).

BA LẦN CẢNH CÁO KHI SẮP NHẬP NIẾT BÀN CỦA PHẬT THÍCH CA

PHẬT sắp nhập niết bàn, khai thị lần cuối cùng có ba lần cảnh cáo. Lúc bây giờ Đức Thế Tôn từ sơ thiên đến nhị thiên, tam thiên cho đến nhập diệt tận định, rồi từ diệt tận định trở ngược lại, cho đến sơ thiên. Thuận nghịch như vậy ra vào chín bậc thiên định xong, nói với đại chúng rằng: “Ta dùng bát nhã thâm sâu, quán khắp tất cả lục đạo trong tam giới, căn bản tánh lia, cuối cùng tịch diệt, đồng với tướng hư không, vô danh vô thức, tình chấp đoạn diệt, vốn là bình đẳng, chẳng cao chẳng thấp, chẳng thấy chẳng nghe, chẳng tri chẳng giác, chẳng thể trói buộc, chẳng thể giải thoát, vô chúng sanh, vô thọ mạng, chẳng sanh chẳng khởi, chẳng tận chẳng diệt, phi thế gian phi phi thế gian, Niết Bàn sanh tử đều bất khả đắc, nhị tế (*trước, sau*) bình đẳng, các pháp bằng nhau việc làm đồng như chẳng làm, cứu cánh yên tịnh. Từ pháp vô trụ, hành theo pháp tánh, dứt tất cả tướng, chẳng có một vật, pháp tướng như thế đều bất khả đắc. Những kẻ biết được gọi là người xuất thế gian, việc này chẳng biết gọi là sanh tử bắt đầu, các người cần phải đoạn dứt vô minh, diệt sự bắt đầu của sanh tử”.

Lần thứ nhì, cũng từ Sơ thiên cho đến Diệt tận định, rồi từ Diệt tận định trở ngược lại cho đến Sơ thiên. Thuận nghịch ra vào chín bậc thiên định xong, lại nói với đại chúng rằng: “Ta dùng Ma Ha Bát Nhã quán khắp hữu tình vô tình trong tam giới, tất cả người và pháp đều là cứu cánh, chẳng có kẻ trói buộc, chẳng có người giải thoát, vô trụ vô y (*chẳng nơi nương tựa*) chẳng thể nhiếp trì, chẳng vào tam giới, vốn là thanh tịnh, chẳng cấu bần, chẳng phiền não, bằng với hư không, bất bình đẳng, phi bất bình đẳng, tất cả tư tưởng động niệm trong tâm đều ngưng nghỉ, pháp tướng như thế gọi là đại Niết Bàn, chơn thật thấy được pháp này gọi là giải thoát, phàm phu chẳng thấy gọi là vô minh”.

Nói xong nhập Siêu thiên lần thứ ba, từ Sơ thiên cho đến Diệt tận định, rồi từ Diệt tận định trở ngược lại cho đến Sơ thiên, lại nói với đại chúng rằng: “Ta dùng Phật nhãn quán khắp tất cả các pháp trong tam giới, thực tế của vô minh tánh vốn giải thoát, tìm khắp mười phương đều chẳng thể được. Vì căn bản của vô minh chẳng có, nên nhánh lá của vô minh đều sẵn giải thoát, vì vô minh giải thoát nên lão tử đều được giải thoát. Do nhân duyên này nay ta an trụ nơi Thường Tịch Diệt Quang (*ánh sáng thường tịch diệt*) gọi là đại Niết Bàn”.

Lời cảnh cáo kể trên đều do lòng đại bi bất khả tư nghì của Phật, thuận nghịch nhập siêu thiên rồi nói ra. Kẻ gặp được sự dạy bảo này, nên lấy xương mình làm bút, lột da mình làm giấy, chích máu mình làm mực, viết ra để cảnh mình, chẳng nên giây phút tạm quên, chẳng nên sát na mất sự chiếu soi. Theo ba lần cảnh cáo cuối cùng của Phật, quán tất cả pháp trong tam giới, nói bản tánh vô minh vốn là giải thoát, cho nên khắp mười phương trong pháp giới, hoặc hữu tình, hoặc vô tình, hoặc hữu tánh, hoặc vô tánh, núi sông, đất đai, cỏ cây, người, vật ... Chẳng trong tam giới, chẳng ngoài tam giới, chẳng theo sanh tử, chẳng trụ Niết Bàn, đều đồng nhất tâm của chơn như diệu tánh. Nếu tín giải như vậy thì đốn ngộ được nhất thừa, chẳng còn lời bí mật nào hơn ý chỉ này!

Hỏi: Theo tục đế thì thánh phàm khác nhau, phàm phu vọng chấp thấy nghe, ngoài tâm kiến lập các pháp, bậc Thánh đã liễu ngộ nhất tâm, lại sao lại đồng thấy nghe như phàm phu?

Đáp: Bậc Thánh dù có thấy nghe, nhưng chẳng có chấp trước, luôn luôn diễn đạt vạn vật chẳng thật, đồng như huyền hóa.

Như Kinh Đại Niết Bàn, Bồ Tát Ca Diếp bạch Phật rằng: Thế Tôn, nếu phiền não từ điên đảo tướng sanh ra, thì tất cả các bậc Thánh đều thật có điên đảo tướng, mà tại sao chẳng có phiền não, vậy nghĩa này là thế nào?

Phật hỏi: Tại sao nói bậc Thánh có điên đảo tướng?

Ngài Ca Diếp nói: Thế Tôn, tất cả bậc Thánh thấy trâu cũng gọi là trâu, thấy ngựa cũng gọi là ngựa, thấy nam nữ, lớn nhỏ, nhà cửa, xe cộ và khứ lai đều cũng vậy, thế là điên đảo tướng rồi!

Phật nói: Phạm phu có hai thứ tướng, một là thế lưu bố tướng (*thế gian phổ biến lưu hành*), hai là trước tướng (*tư tướng chấp thật*). Bậc thánh chỉ có thế lưu bố tướng, chẳng có trước tướng. Phạm phu vì sự cảm giác sai lầm, nơi thế lưu bố mà sanh ra trước tướng, bậc Thánh vì hay chiếu soi thật tướng; nơi thế lưu bố chẳng sanh trước tướng, nên phạm phu gọi là điên đảo tướng; bậc Thánh dù biết nhưng chẳng gọi là điên đảo tướng. Lại cảnh vốn tự không, đâu cần phải phá hoại sắc tướng rồi mới là không! Vì chơn tâm của bậc Thánh thường tự chiếu, chẳng nhờ nhân duyên mới sanh khởi, phạm phu thì chấp trước tri kiến, có năng có sở.

Nên Triệu Luận nói: “Hễ có sở tri thì có sở bất tri, chơn tâm của bậc Thánh vô tri nên vô sở bất tri, cái tri của bất tri mới được gọi là Nhất thiết tri”. Vậy Kinh nói: “chơn tâm của bậc thánh vô tri, vô sở bất tri là đáng tin lắm. Cho nên bậc thánh nơi tâm trống rỗng mà sự chiếu soi chẳng thiếu sót, suốt ngày tri mà chưa từng tri là vậy. Cũng như nước trong thì thấy bóng, đâu có sanh tâm năng sở, cảnh và tâm đều không, chẳng có cái tư tướng giác tri”.

Trong kinh Lăng Già, Phật nói với Bồ Tát Đại Huệ rằng: “Cảnh thế gian như bóng tượng trong gương, và cảnh giới chiêm bao, nhưng chẳng phải trước mắt của bậc thánh không có cảnh thế gian. Phạm phu vì tư tướng mê lầm nên đuổi theo cảnh chấp thật, gọi là vô minh điên đảo, chẳng phải minh trí. Bậc Thánh thấy cảnh đồng như phạm phu, mà chẳng có tâm niệm chấp trước, nên chẳng gọi là điên đảo”.

Giải thích rằng: Như thí dụ kể trên tỏ rõ cảnh chỉ có một, mà sự thấy có khác. Bậc Thánh chẳng phải không thấy cảnh thế gian, mà khi thấy đồng như thấy mặt trăng trong nước và bóng tượng trong gương vậy.

Hỏi: Sự thấy của phạm phu có năng thấy sở thấy, nên tâm và cảnh rõ ràng, vậy thì so với sự thấy của bậc Thánh làm sao phân biệt?

Đáp: Sự thấy của bậc Thánh thì Có và Không đồng thời chiếu soi, trong ngoài chẳng trụ, như tiếng dội trong hang, bóng hiện trong gương mà chẳng khởi tâm tác ý, sáng tỏ nhiệm mầu, tịch mà thường chiếu, nên nói là thường ở trong chánh niệm, cũng gọi là chánh tri. Kỳ thật, chẳng phải hữu niệm hữu tri, cũng chẳng phải vô niệm vô tri. Nếu chỉ vô niệm thì tịch mà mất sự chiếu soi, nếu chỉ có chiếu soi thì chiếu mà mất sự thường tịch, cả hai đều chẳng chánh. Chánh là ở chỗ Tịch và Chiếu đi song song với nhau.

Trong HOÀN NGUYỄN TẬP nói: “Tự tánh khởi chiếu, chiếu soi tất cả, liễu liễu tri mà vô sở tri, liễu liễu kiến mà vô năng kiến, trong ngoài sáng tỏ, cùng khắp pháp giới, cũng gọi là vô chướng ngại, nhãn của Phật TỶ LỒ GIÁ NA, tràn khắp mười phương chiếu soi tất cả quốc độ Phật” tức là nghĩa này vậy.

Lại nói: Tâm hay làm Phật, hay làm chúng sanh, hay làm thiên đàng, hay làm địa ngục, hễ tâm có sai biệt thì muôn ngàn cảnh giới sanh khởi, hễ tâm bình đẳng thì pháp giới trống rỗng yên tịnh. Tâm phạm thì tam độc nổi lên, tâm thánh thì lục thông tự tại, tâm không thì nhất đạo trong sạch, tâm hữu thì muôn cảnh tung hoành, như tiếng

vang trong hang, lời hùng dội tiếng mạnh, như gương soi tướng, hình lõm hiện bóng co, thể thì biết vạn hạnh do tâm, tất cả tại ta. Bên trong hư thì bên ngoài chẳng thật, bên ngoài tế thì bên trong chẳng thô, thiện nhân tất gặp thiện duyên, ác hạnh khó tránh ác cảnh, sự vui của thiên đàng, sự khổ của địa ngục đều là tự tâm làm ra, chẳng phải người khác lãnh thọ, chẳng do trời sanh, chẳng do đất mọc, chỉ tại nhất niệm ban đầu của mình, nên có sự thăng trầm như thế.

Muốn được bên ngoài an hòa thì bên trong cần phải bình tĩnh, tâm không thì cảnh tịch, niệm khởi thì pháp sanh, nước đục thì làn sóng đen tối, nước trong thì bóng trắng sáng tỏ. Sự cần thiết của người tu hành đều chẳng ra ngoài những việc kể trên, gọi là cửa ải của chúng diêu, cũng là quê nhà của vạn linh, căn bản của thâm trầm và nguồn gốc của họa phước. Chỉ cần tự tâm luôn luôn được chánh niệm, đâu thể nghi ngờ cảnh giới bên ngoài! Cho nên, hễ lia được tội hạnh, phước hạnh, bất động hạnh của chúng sanh, thì chẳng có quả báo khổ vui của tam giới, hễ lia được kiến văn giác tri của chúng sanh thì đâu có cảnh giới của ngũ uẩn, lục căn, lục trần và lục thức! Nên biết, mê ngộ do thức, nhiễm tịnh do tâm, ấy cũng là mục tiêu của tiền triết hậu học, chỉ thị của muôn ngàn Kinh Luận vậy.

Trong kinh Lăng Già có bài kệ rằng: “Tâm niệm như nắm đất, làm ra như chén bát (*chén bát dụ cho chúng sanh, nắm đất dụ cho tự tâm*), mỗi thứ dụ khác nhau, tất cả do tâm tạo”. Nếu nhất niệm chẳng sanh thì các duyên tự dứt, nên nói: “Nhất niệm tâm chẳng sanh thì các duyên tự dứt, nên nói: “Nhất niệm tâm chẳng sanh, vạn pháp không sai”. Hiện nay, hoặc tham sanh sợ chết; hoặc lo sống lo già; hoặc bỏ vọng bỏ thân, tùy theo tư tưởng mà tạo tác, nghiệp quả xoay chuyển mãi không dừng. Nếu liễu đạt sanh tử vô sanh, vọng tức vô vọng, một niệm tâm tịch, vạn lực (*tất cả tâm và pháp*) đều tiêu. Vậy thì biết hễ tâm ngộ là xong, chẳng còn pháp nào hơn nữa.

---o0o---

DUY TÂM QUYẾT
Nguyên Tác: Vĩnh Minh Thiền Sư
Dịch Giả: Thích Duy Lực

Nói đến chữ Tâm chẳng phải chơn, vọng, hữu, vô có thể phân biệt được; chẳng phải vạn tự lời nói có thể diễn tả được. Nhưng các bậc Thánh ca ngợi, các Hiền triết giải thích, ngàn lối khác nhau, chỉ là tùy theo đương cơ mà giả lập phương tiện, cuối cùng đều qui về một pháp mà thôi.

Nên kinh Bát Nhã nói Bất nhị, Pháp Hoa nói Nhất thừa, Tư Ích nói Bình đẳng Như như, Hoa Nghiêm nói Thuần chơn Pháp giới, Viên Giác Kiến lập tất cả, Lăng Nghiêm Bao gồm mười phương, Đại Tập Nhiễm tịnh dung thông, Bảo Tích Căn trần hòa hợp, Niết Bàn An nơi bí tạng, Tịnh Danh Đạo tràng khắp nơi... tất cả tổng nhiếp bao gồm, tỏ hết sự và lý chẳng có thiếu sót. Cho nên một pháp ngàn tên, tùy duyên lập hiệu, người học đạo chớ nên mê lầm việc tùy sự lập danh, kẹt vào lời nói phương tiện mà cho chúng sanh là giả chư Phật là thật! Nếu ngộ được nhất pháp thì vạn pháp viên thông, sự mắc kẹt nhiều kiếp ngay đó tan rã, vô biên diêu nghĩa nhất thời đều thông, thấu triệt nguồn gốc của tâm pháp, rõ hết phương tiện của chư Phật, chẳng tốn một chút công lực, chẳng dời một bước mà du lịch hằng sa thế giới, không một Phật sát đạo tràng nào mà chẳng đến, không một pháp hội nào mà chẳng dự, không một tướng nào mà chẳng phải thật tướng, không một nhân nào mà chẳng viên nhân (*cái nhân tròn đầy bao gồm tất cả tâm pháp*), hằng sa Như Lai rõ ràng ngay trước mắt, mười

phương Phật pháp sáng tỏ trong bàn tay, núi sông cao thấp cùng chuyển căn bản Pháp luân, hàm linh lớn nhỏ phổ hiện sắc thân Tam muội. Ở một chỗ mà mười phương cùng hiện, giảng một âm mà pháp giới đồng nghe, nói huyền nói diệu mà chẳng hoại pháp thể gian, muôn ngàn biến hóa mà chưa rời chỗ thật tế. Cùng tam thể chư Phật nhất thời hành đạo, với mười loại chúng sanh đồng chứng Niết Bàn, đánh trống Phật pháp nơi cung ma, sấm sét Phật pháp nơi xứ tà, đi ngược mà tự thuận, nơi cương mà tự nhu, lên cao mà chẳng nguy, nước đầy mà chẳng tràn, ở yên trên đất tuyết học, sâu vào nguồn gốc vô vi, nhập cửa huyền của chúng diệu, dạo cảnh giới của thật tướng.

Chẳng một pháp vốn có, chẳng một pháp mới thành, diệt trung biên, tuyệt tiền hậu, ấn đồng dị (*đồng và dị cùng trong một pháp ấn*), nhất khứ lai. Muôn cảnh cùng quán, nhất tâm bình đẳng, tiếng Phật thường nghe, huệ quang thường chiếu, đây là Đại Tịch Tam Muội Kim Cang định môn Thánh phàm bằng nhau, cổ kim đều vậy. Như tánh ướt của giọt nước với biển cả vốn đồng, sự dung nạp của cái lỗ nhỏ bằng hạt cải so với hư không chẳng khác, kẻ tin được thì công siêu nhiều kiếp, kẻ ngộ được thì rõ trong sát na.

Cái pháp môn của nhất tâm này thật là đại đạo chẳng có phương sở, tụ tập bụi trần mà chẳng phải hợp, tan rã quốc độ mà chẳng phân (*phân tán*), hòa quang mà bất quản (*chẳng phải nhiều chúng hợp lại*), đồng trần mà chẳng nhiễm, siêu xuất mà chẳng lìa, dung hợp mà chẳng tụ, nuôi dưỡng Thánh phàm mà chẳng có hình tướng thật chất để thấy, kiến đạo pháp giới mà chẳng có tên họ để gọi, che khắp cỏ cây, phủ khắp cỏ kim, cùng khắp hư không pháp giới, bầu trời chẳng thể che lấp bản thể, thường chiếu thường hiện, địa ngục chẳng thể ẩn dấu ánh sáng, vô trụ vô y, trần lao chẳng thể đổi cái tánh, phi thuận phi tạp, muôn pháp chẳng thể dấu cái chơn, vắng lặng mà âm thanh khắp nơi, vô tướng mà hình tượng đầy trời, dung hợp lẫn nhau mà cảnh vật muôn ngàn sai biệt, hình tướng sum la chỉ là một, chẳng tụ chẳng chia, chẳng vì việc hồng mà mất bản thể, cũng đồng cũng khác, tùy duyên mà chẳng cần giữ tánh, tức tướng là tánh nên chẳng ngại kiên lập; tức lý là sự nên chẳng hoại chơn thường. Dùng cái không của hữu, đâu ngại đủ thứ sanh khởi; dùng cái động của tịnh, đâu ngại muôn cảnh tịch lặng, nói một thì lớn nhỏ khác nhau, nói khác thì cao thấp đều bằng, nói có thì chơn lý tịch diệt, nói không thì sự dụng chẳng bỏ, dù sanh mà thường tịch, tướng thể gian trống rỗng, dù động mà thường trụ, muôn pháp chẳng rời; dù ẩn mà thường khởi, thích ứng tùy cơ. Chẳng giả mà ảo tưởng hòa hợp, chẳng thật mà chơn tánh trạm nhiên, chẳng thành mà đủ loại cùng sáng, chẳng hoại mà các duyên tự tuyệt. Cảnh dù hiện mà chẳng có tánh hiện, trí dù chiếu mà chẳng có công chiếu, tịch và dụng chẳng khác, năng và sở chỉ một. Đồng như gương sáng mà vạn tượng chẳng thể giấu hình, tánh như hư không mà các tướng chẳng rời bản thể, làm tạng thường trụ, làm cửa biến thông, trạm nhiên kiên cố thường tùy vật biến hóa, lăng xăng tạo tác mà chẳng động được chơn như, thân nam ẩn, thân nữ hiện, phương Đông nhập, phương Tây xuất, đang còn mà thường diệt, đang nắm mà thường buông, phổ biến mà ánh sáng chẳng động, khắp nơi mà một vật chẳng có, một hạt bụi gồm vô biên quốc độ, một niệm tưởng lập vô tận cổ kim. Tức tịnh thường nhiễm ở thật tướng mà chẳng phải thăng (*cấp bậc cao*), tức đục thường trong, vào lục đạo mà chẳng phải đọa.

Nhìn bên ngoài chẳng dư, nhìn bên trong chẳng thiếu, đầy mắt mà chẳng thấy, đầy tai mà chẳng nghe, đầy lòng mà chẳng biết, đủ lượng mà chẳng hay, đã thành mà chẳng cũ, nay hiện mà chẳng phải mới, chẳng mài mà tự sáng tỏ, chẳng chùi mà tự trong sạch, chơn tánh độc lập, diệu thể thường trụ, linh quang xán lạn, công đức đầy tràn.

Diệu dụng của hàm linh phổ hội, làm vua của muôn Pháp, Tam thừa và Ngũ tánh (*năm thứ chủng tánh: tam thừa, ngoại đạo và bất định chủng tánh*) qui tụ, làm mẹ của

ngàn Thánh, độc tôn độc quý, chẳng gì sánh bằng, là chơn pháp yếu, là thật đại đạo, tông tích nhiệm màu chẳng định, tùy theo tánh vật mà vuông tròn, diệu dụng thích ứng tự nhiên, tùy theo căn cơ mà ẩn hiện, cho nên gốc sanh ngọn mà ngọn tùy gốc, thể dụng lẫn nhau; chơn thành tục mà tục lập chơn, thánh phàm cùng tỏ; chính ta giúp người mà người giúp ta chủ bạn cùng tham.

Chúng sanh thành Phật mà Phật độ chúng sanh, nhân quả rõ ràng. Cảnh chẳng tự tánh mà người khác thành tự kỷ, tâm chẳng tự tánh mà tự kỷ thành người khác, lý chẳng thành tựu mà một tức nhiều, sự chẳng thành tựu làm nhiều tức một, tướng dù giả mà âm thầm một thể, tánh dù thật mà thường nơi vạn duyên. Dù hiển lộ mà tìm cầu rất khó, dù siêu tuyệt mà đại dụng chẳng ngại, hiện ra ảo tượng nơi một tánh mà dung chơn (*dung hợp Chơn đế*), Tịch diệt linh thiêng, nhờ sum la mà hiển tướng. Đế và trí (*Đế: Chơn đế, Tục đế. Trí: Quyền trí, Thật trí*) phát minh lẫn nhau, nhiệm và tịnh huân tập lẫn nhau, tùy sức yếu mạnh mà chìm nổi vô thường, tùy duyên tụ tán mà nắm buông chẳng định, nhiếp nhau thì vi trần chẳng hiện, giúp nhau thì muôn cảnh đều sanh, đến như bóng trăng bỗng hiện trong nước, đi như đám mây bỗng tan trên trời, động tịnh vô ngại, trống rỗng thấu nhập, tương sanh tương khắc, linh thông khó lường, chẳng trong chẳng ngoài, diệu tánh khắp nơi.

Biển trí mênh mông dung nập tất cả chẳng kể thiếu sót, linh châu (*tự tánh*) sáng tỏ, chiếu khắp mười phương chẳng từng mây may ẩn giấu. Như vàng thiết tùy theo đồ dùng làm ra đủ thứ khuôn hình, muôn ngàn sai biệt mà chẳng ngại, như trong lạng nổi nhiều làn sóng, hiển tướng mà bản thể chẳng chút mất mát. Đều đúng đều sai, cũng tà cũng chánh, chẳng có mà thị hiện có, mơ hồ như trong mộng, chẳng thành mà tựa như thành, thấm thoát như huyền hóa. Tùy nguồn không mà sanh diệt, pháp pháp vô tri, theo biển ảo mà thịnh suy, duyên duyên tuyệt đối (đối đãi). Cho nên, đỉnh núi chót vót mà chẳng vực thẳm, biển rộng không đáy mà chẳng thâm sâu, tam độc, tứ đảo (điên đảo) mà chẳng phải phạm, bát giải lục thông mà chẳng phải Thánh, đồng ở đất chơn như tịch diệt, cùng vào cửa bất nhị vô sanh. Tạo tác trong đạo giải thoát, trùng trùng vô tận hiển hiện trong bất tư nghì, mỗi mỗi khó tìm, đâu thể kiến lập thủy chung, chỉ định xứ sở! Đâu cần sùng chơn chê vọng, chán dị ham đồng!

Lại muốn hoại thân thể huyền hóa, muốn dứt ý thức chiêm bao; mà chẳng biết mỗi niệm đều là Thích Ca ra đời, mỗi bước đều là Di Lặc hạ sanh, phân biệt là hiện cái tâm của Văn Thù, động tịnh là hành cái hạnh Phổ Hiền, mọi cửa đều là cam lồ, mọi vị đều là đề hồ, thường ở nơi thế giới Liên Hoa Tạng. Chói rọi không vật nào chẳng soi thấu, rõ ràng sáng tỏ đầy mắt, khỏi nhờ biện tài diễn tả, chẳng cần thân thông hiển thị, động tịnh thường gặp, sáng tối chẳng lìa, chẳng phải xưa thạnh nay suy, đâu phải ngu chìm mà trí hiện!

Nói nín thường khế hợp, đầu đuôi thắm dung thông, Đạt Ma đâu cần đến Đông Độ, bầy Phật đâu cần thị hiện trên đời! Hễ tâm không thì trời đất hư tịch, tâm hữu thì quốc độ sum sê, niệm khởi thì sơn nhạc lay động, niệm lặng thì sông ngòi yên tịnh, ứng cơ cao tột thì lời lời liễu nghĩa, trí huệ sáng tỏ thì niệm niệm hư huyền, căn khí lớn thì pháp pháp đầy đủ, độ lượng thì trần trần vô tận, ý địa trong thì thế giới sạch, tâm thủy đục thì cảnh tượng tối, đề ra một mà bao gồm toàn bộ, kang trang bình đẳng, sẵn sàng cụ túc, chỉ ở nơi chánh quán mà thôi.

Muôn pháp vốn do người tạo, chơn như tự đủ nhiều đức, vô niệm mà công đức sẵn có, vô tác mà diệu hạnh đều viên. Chẳng tạo mà thành, linh trí sẵn sàng, chẳng tìm tự đắc, diệu tánh thiên chơn, mới biết lý trí viên dung, đại đạo chẳng ở bên ngoài, tuyệt một hạt bụi mà độc lập, có tướng nào để tung hoành? Vì vậy, ngay nơi âm thanh tức là nghe, ngoài sự thấy chẳng có pháp khác (*bản văn cũng là bản kiến, cùng khắp*)

không gian và thời gian) sắc đẹp chẳng thể mê hoặc, âm điệu chẳng thể lôi chìm, như nước biển hội đủ mùi vị của ngàn sông, như núi Tu Di nuốt hết sắc tướng của quần đảo, không một tên chẳng hoàng danh hiệu của Như Lai, không một vật chẳng tổ hình tướng chư Phật, cây cối nhà cửa tự tỏ diệu tướng vô biên, khi kêu chim hót đều nói diệu âm bất nhị, si ái thành nguồn chơn giải thoát, tham sân tỏ đại dụng Bồ đề, vọng tưởng khởi mà Niết Bàn hiện, trần lao sanh mà Phật đạo thành. Từ bản thể làm nên mà Hóa thân, Báo thân tịch lặng, tùy duyên hiển hiện mà Pháp thân đầy đủ khắp nơi, thật là chỗ quy về của giáo pháp, linh ngộ của Thánh Hiền, thực tế của chúng sanh, căn bản của vạn vật, đại cương của chánh pháp, bản ý của xuất thế, đường lối của Tam thừa, bến đò của Phật đạo, linh nguyên của Bát Nhã, quê nhà của Niết Bàn.

Bởi vì diệu lý mầu nhiệm sâu xa, huyền chỉ hy hữu khó lường, kẻ cuồng huệ uổng nhọc tinh thần, kẻ si thiên chỉ có thể tự trôi. Kỳ thật thì con đường của ngôn ngữ cắt tuyệt, ý thức phân biệt dứt bật, tinh thần trong sạch, trí huệ tự nhiên, không hữu song dung, căn trần trống rỗng như nhìn thấu trời xanh, như ở dưới mặt trời chói chang, không một pháp môn nào chẳng hiện, không một chí lý nào chẳng rõ. Chẳng động tình thức, dưới ao sâu mà lượm nhằm thất bảo, chẳng phí tâm lực; trong nước đục mà tự được huyền châu, quán đại thiên thế giới ngay trước mắt, chỉ hăng sa quốc độ nơi bên cạnh, nắm chúng sanh trong bàn tay, ôm vạn vật trong lòng, chẳng tốn chút công, thành tựu Lăng Nghiêm đại định; chẳng nhìn một chữ, xem hết tất cả kinh điển, nghĩa của Tứ cú thông, đường của Bách phi tuyệt. Đọc xuyên tam tế, ngang thấu mười phương, duy nhất Tông trì (*Tổng nhất thiết pháp, Trì nhất thiết nghĩa, hiệu Đại Tự Tại*).

Thần quang hiển hách, oai đức lẫy lừng, ngoại đạo kinh hồn, tà ma sợ hãi, phiền não tan rã, sanh tử bay mất, tình ái rửa sạch, ngạo mạn sụp đổ, thông thả vô ngại, đạu bạc rộng rãi, vô đặc vô cầu, khoáng đạt tự tại, cao rộng quá hư không, ánh sáng hơn nhật nguyệt, vậy thì quyền trí và thật trí đi đôi, từ bi, trí huệ song hành, cứu thế như huyền, độ sanh đồng không, vào hữu mà chẳng trái vô, hành chơn mà chẳng ngại tục, như trời che đất chở, như nhật nguyệt cùng sáng, thị Thánh hiện phàm, xuất sanh nhập tử, đem thật tướng tâm ấn, dựng đại pháp tràng tạo một ánh sáng mà cứu tế muôn loài, khiến tro lạnh bùng lên sức ấm, hạt giống cháy sống lại làm thuyền. Từ nơi biển khổ, làm Đạo sư cho kẻ lạc đường. Che và chiếu tự động, nắm buông tùy trí, dù vô tri mà muôn pháp viên thông, dù vô kiến mà tất cả rõ ràng. Chỉ cần khế hợp ý chỉ này thì bản thể vốn tự nhiên, như mùa xuân nẩy mầm, như đất sanh vạn vật, Thập thân bồng hiện, Tứ trí đồng khởi, là như ý tràng (*cây lọng*), là Thất bảo tự, pháp tài phong phú, lợi sanh chẳng cùng, nên gọi là Vô Tận Tạng, hiệu rừng công đức, đầu thế ánh nắng mà chẳng chiếu, có đèn đốt mà chẳng sáng!

Chớ nên dùng tâm có giới hạn mà sanh kiến giải có ngăn mé, đo lường rộng hẹp của hư không, xác định biên thùy của pháp giới, khiến cho tình thức phân biệt, chẳng siêu việt cảnh trần, vọng tâm bùng dậy nơi đất chơn như, đánh lên làn sóng ý thức trong biển tịch diệt; hạn chế sự thấy trong ống dòm, trộm cắp ánh sáng nơi kẽ vách, vọng lập cái tri của năng sở, lầm khởi cái kiến giải của tốt xấu, đuổi theo lời nói văn tự để định đoạt tông chỉ, cũng như con muỗi muốn bay theo đại bàng, đom đóm muốn so với mặt trời vậy!

Tự tánh khởi dụng dung nạp mười phương hư không trong một lỗ chân lông, hiện muôn ức Phật sát trong một sát na, mỗi mỗi thân cùng khắp mỗi mỗi Phật sát, mỗi mỗi Phật sát bao gồm vô biên thân, rút nhiều kiếp trong khoảnh khắc, quăng quả đất ra ngoài vũ trụ, trong một lỗ chân lông phóng ra vô tận quang minh, trong một lời nói tỏ hết tất cả giáo pháp, ấy là bốn phận của chúng sanh, sức bằng với chư Phật, không

một pháp nào mà chẳng phải vậy, hễ có tâm là sẵn sàng, chẳng nhờ sức của thân thông, chẳng do tu chứng mà được, đức lượng như như, tất cả đầy đủ, nếu bỏ biển mà nhận bọt, ý chí thấp kém mà tự khinh mình, chôn vùi gia tài mà không biết xài!

-Người học đạo chẳng tin tự tâm hoặc muốn bỏ vọng mà giữ chơn; hoặc cho mình chẳng có phần mà cam chịu trần lao; hoặc nhận vọng làm chơn mà hành theo tà đạo; hoặc chấp phương tiện mà khổ tu tiệm hạnh; hoặc chấp cao vị mà suy tôn cực Thánh; hoặc tích chứa công đức, hy vọng mãn ba A tăng kỳ kiếp để thành Phật, chẳng biết toàn thể hiện tiền, lại mong cầu diệu ngộ, chẳng biết xưa nay vốn đầy đủ mà chờ đợi sự thành công. Nếu chẳng nhập viên thường ắt phải chịu luân hồi!

-Chỉ vì mê muội nơi đức tánh, chẳng phân biệt chơn tông, buông giác theo trần, bỏ gốc tìm ngọn, theo lười ma của hữu vô, vào rừng tà của đồng dị, mổ xẻ chơn không, phân chia pháp tánh, sanh diệt theo trần, hữu vô tùy cảnh, chấp đoạn mê thường, lấy duyên bỏ tánh, vọng khởi tri giải, lầm lẫn tu hành.

-Hoặc hòa thân dưỡng khí mà chấp tự nhiên; hoặc cho khổ thân hủy hình là hành theo chí đạo; hoặc chấp lấy cái cột vô trước để dựng lên thành cảnh trước mắt; hoặc cầu tịnh lự mà đè nén vọng tâm; hoặc gọt tình diệt pháp để kết thành không; hoặc theo hình bóng của nhân duyên pháp trần mà ôm thành tướng; hoặc bỏ mất chơn của linh tâm; hoặc hủy hoại chánh nhân của Phật pháp.

-Hoặc kết tụ tinh thần cất tuyệt tâm thức; thọ báo thành loài vô tình; hoặc tĩnh tâm bật sắc trụ quả nơi trời Tứ không; hoặc chấp thật có, lạc vào thành huyền hóa; hoặc chấp không, lại đồng như sừng thỏ; hoặc tuyệt kiến giải, đọa vào nhà đen tối; hoặc lập chiếu soi, trở thành chấp sở tri; hoặc nhận hữu giác là hình của chơn Phật, hoặc nhận vô tri như loài gỗ đá; hoặc chấp vọng bằng với quả cứu cánh, cũng như nhận đất là bình; hoặc bỏ duyên để vào cửa giải thoát, cũng như vạch sóng tìm nước.

-Hoặc đuổi theo ngoại cảnh, vọng tạo việc trong chiêm bao; hoặc trong giữ u nhân, ở yên nơi ngu si; hoặc chấp đồng, cho vạn vật đều bằng nhau; hoặc chấp dị, mỗi mỗi tự lập pháp giới; hoặc cam chịu ngu si, cho chẳng có phân biệt là đại đạo, hoặc ham Không kiên (*tri kiến chấp không*), bài xích thiện ác cho là chơn tu; hoặc hiểu lầm tánh bất tư nghì lọt vào ngoan không; hoặc cho diệu tánh chơn là thật có; hoặc trầm cơ tuyệt tưởng (*cơ: linh động*) đồng như cõi trời hữu lậu; hoặc giác quán tư duy đọa nơi tình lượng (*tình thức suy lường*); hoặc chẳng cứu xét vọng tánh, cho ấy là thời hỗn độn sơ khai của trời đất; hoặc mê muội nơi ảo thể, lấy “tuyệt không” làm Tông chỉ.

-Hoặc nhận bóng làm chơn; hoặc lấy vọng để tìm thật; hoặc nhận tánh kiến văn cho là hữu tình; hoặc chỉ cảnh huyền hóa cho là loài vô tình; hoặc khởi ý trái với tịch tri; hoặc dứt niệm phế bỏ Phật dụng; hoặc mê tánh công đức, khởi tri kiến của tâm sắc; hoặc căn cứ lời “Tất cánh không” sanh tâm đoạn diệt; hoặc chấp chí lý liền bỏ trang nghiêm; hoặc mê tiệm thuyết (*đốn tiệm tương đối*), luôn luôn tạo tác; hoặc chiếu theo “Bản thể lia duyên” kiên cố ngã chấp; hoặc tiêu diệt tất cả, giữ lấy tự kỷ; hoặc quyết định “Người và pháp tự nhiên” thành ngoại đạo vô nhân; hoặc chấp cảnh và trí hòa hợp, đọa vào cộng kiến; hoặc chấp tâm và cảnh lẫn lộn, thành pháp năng sở; hoặc chấp sự phân biệt chơn tục, bị buộc nơi ngu xuẩn của tri chương.

-Hoặc giữ “nhất như bất biến”, lọt vào thường kiến; hoặc thấy tứ tướng đời đời, chìm nơi đoạn kiến; hoặc chấp vô tu, lia bỏ Thánh vị; hoặc nói có chứng trái ngược thiên chơn; hoặc đam mê y báo, chánh báo, theo thế tục luân hồi; hoặc chán sanh tử lạc mất chơn giải thoát; hoặc mê chấp chơn không, sùng nhân trước quả; hoặc mê muội thực tế, ham Phật ghét ma; hoặc chấp thuyết phương tiện tùy nghi, cho lời Phật Tổ là chơn.

-Hoặc bỏ mất thật tướng âm thanh, muốn lia ngôn ngữ cầu nơi nín lặng; hoặc tuân theo giáo thừa, phá hoại định thể của tự tánh; hoặc hoằng thiên quán, bài xích lời giải thích của kinh liễu nghĩa; hoặc vì tranh đoạt danh lợi, đặt ra lời kỳ lạ, bị chìm vào biên ý thức; hoặc muốn tịnh khiết tìm cầu huyền bí lại đọa vào thành ngữ ám; hoặc khởi tri giải thù thắng, móc thịt đắp ghê; hoặc trụ nơi bản tánh trong sạch mà chấp thuộc thành bệnh; hoặc theo văn tìm nghĩa, thích ăn đàm dãi của người khác.

-Hoặc cố giữ thanh nhân, ngồi nơi pháp trần; hoặc sanh tâm có đắc để bàn luận Đại thừa Vô tướng; hoặc dùng tư tưởng suy lường để tìm huyền chỉ bên ngoài vật; hoặc phé bỏ ngôn thuyết sanh kiến giải tịnh khẩu; hoặc chấp sự giải thích kỹ càng cho ngón tay là mặt trăng; hoặc nhận lầm sự dụng làm nguồn gốc của sanh diệt; hoặc chuyên ghi nhớ, trụ trong thức tướng; hoặc hay sắp đặt, đánh mất bản tánh của viên giác; hoặc phóng túng đi làm cửa đạo; hoặc muốn thân tâm tinh tấn kẹt nơi hữu vi.

-Hoặc chấp chơn tánh vô vật, bị trói nơi trí huệ; hoặc siêng tu niệm, mất nơi chánh thọ (*chánh định*); hoặc bắt chước “tự tại vô ngại” bỏ sự tu hành; hoặc ý “bản tánh vốn không”, tùy thuận tập khí; hoặc chấp “thật có ràng buộc” nên muốn dứt trừ.

-Đối với Phật pháp, kẻ quý trọng thì sanh trưởng pháp ái, kẻ khinh mạng thì hủy hoại nhân Phật; hoặc cầu tiến mà trái với bản tâm; hoặc lui sụt lại trở thành buông lung; hoặc thể và dụng khác nhau, trái với Phật thừa; hoặc trầm không trệ tịch, làm mất bản tánh của đại bi; hoặc bật duyên chán giả, vi phạm pháp môn sẵn đủ; hoặc mê muội chơn ngã vốn không, mà chấp ngã kiên; hoặc cố chấp Phật pháp, mê làm hiện lượng (*pháp ngã vốn không*); hoặc có giải chẳng có tín, mồng lên tà kiến; hoặc có tín chẳng có giải, sanh trưởng vô minh.

-Hoặc cho người đúng pháp sai; hoặc cho cảnh sâu trí cạn; hoặc chấp lấy nên mê pháp tánh; hoặc xả bỏ thành cái chơn như; hoặc chấp tánh lia nên nghịch với nhân; hoặc chấp thường trụ nên trái với quả; hoặc chấp cái sai phi báng cái thật; hoặc chấp cái đúng phá hoại sự tùy nghi; hoặc chán vô minh, xa trái bất động trí môn; hoặc ghét vọng cảnh, tổn thương pháp tánh tam muội; hoặc chấp cái lý đồng, hành tăng thượng mạn; hoặc bác cái tướng dị, hoại cửa phương tiện.

-Hoặc chấp Bồ đề là thật, phi báng chánh pháp luân; hoặc chấp chúng sanh là giả, hủy hoại chơn Phật thể; hoặc chấp thật trí mà bỏ quyền trí; hoặc chấp sự tùy cơ giáo hóa mà mê muội chánh tông; hoặc kẹt trên lý, lọt vào hầm vô vi; hoặc chấp nơi sự, nhảy vào lưới hư huyền; hoặc xóa bỏ dấu tích đối đãi, trái ngược với sự song chiếu (*thể và dụng đi đôi*); hoặc chấp nơi Trung đạo, làm mất bản ý phương tiện; hoặc có định mà chẳng có huệ, làm mê đạo bị cháy; hoặc cố chấp hạnh nguyện, thành chôn vùi giống Phật; hoặc tu hạnh Vô tác mà trở thành Bồ đề hữu vi; hoặc chấp cái Tâm vô trước nên thành Bát nhã tương tự (*chẳng phải Bát nhã chơn thật*); hoặc ham tướng tịnh mà thành cầu bản của thật tánh; hoặc trụ nơi chánh vị (*ngôi pháp*) làm mất cái tự tánh vốn không; hoặc kiến lập thiên quán vô tướng làm chướng ngại chơn như.

-Hoặc sanh khởi tâm liễu tri, thành phản bội pháp tánh; hoặc chấp chơn thuyên (*lời giải thích kỹ càng*) sanh ngữ kiến (*tà kiến chấp ngôn ngữ*), như uống cam lồ mà chết sớm; hoặc ôm chí lý tròn đầy, khởi tâm chấp trước, như uống đề hồ mà trúng độc vậy.

Một trăm hai mươi thứ kiến giải kể trên, đều là mê trái tông chỉ, làm mất bản chơn, cũng như dụi mắt nên thấy hoa đóm trên không; leo cây để tìm cá. Mùi đấng chẳng làm được giống ngọt; đất cát đâu thể nấu thành cơm! Ấy đều vì chẳng biết Pháp tánh dung thông, nên mê làm lời phương tiện của chư Phật, chư Tổ, chìm nơi kiến chấp, tự chướng bản tâm, chẳng nhập Trung đạo, bò lét trên đường thẳng trầm, ràng buộc

trong lòng thù xả, nơi vô tâm mà muốn đoạn trừ, nơi vô sự mà muốn lia bỏ, lấy pháp Không làm thành cảnh si ái, đem chơn trí lập thành tư tưởng chướng ngại, luôn luôn theo đuổi bát phong, khó ra khỏi lưới chấp trước. Thật chẳng biết cái lý sanh tử âm thầm khéo hợp với đạo, vọng vốn là Bồ đề, xưa nay dung thông giác tánh, sáng thường trụ nơi tối, nước chẳng lia băng, diệu dụng vô tận linh trí thường tồn.

Sao lại dứt niệm tưởng để cầu tịch lặng, diệt phiền não để chứng chơn như? Vọng tu vọng tập, tự khó tự dễ mà không biết bản tánh viên giác vốn chẳng bí mật, kho tàng Như Lai thật chẳng che giấu!

Nên biết, lý của viên thường chẳng thiếu, chỉ vì lòng tin giải đông đủ, cũng như thấy Bồ tát đứng trên mũi kim, thấy mảnh treo trên núi Tu Di, chỉ biết tán thán hy hữu kỳ lạ mà chẳng biết tại sao! Như trong kinh Pháp Hoa, con đi ăn xin mà chẳng biết cha (*tự tánh*) là triệu phú, chẳng dám thừa kế gia tài của mình, suốt ngày tìm cầu bên ngoài mà chẳng tự tỉnh ngộ, bỏ vàng lượm sỏi, cam chịu nghèo khổ.

Cho nên, chư Phật thương tiếc, chư Tổ xót xa, đều nói chúng sanh chẳng chịu đi thẳng đến chỗ thực tế, lạc mất bản tâm, chỉ theo vọng thức thăng trầm, đuổi theo cảnh trần so đo chấp trước, chẳng biết muôn pháp vô thể, tất cả vô danh, tùy ý hiện hình, theo ngôn lập hiệu, ý tùy tướng sanh, ngôn theo niệm khởi, kỳ thật, tướng và niệm đều không gốc ngọn phi hữu. Cho nên, tam giới vô vật, vạn hữu trống rỗng, tà chánh đồng nhau, thiện ác không khác. Chúng sanh vì ôm chặt tư tưởng chấp thật, bỏ hết đại nghĩa của Phật pháp, chẳng trở về được tự tánh, lại ở nơi vô tâm mà phân chia đồng dị, ở trong nhất thể mà vọng lập ly hợp, vừa lập mình và người thì liền sanh sự thuận nghịch, ấy lên đầu mỗi đầu tranh, kết thành nghiệp quả mê hoặc, dệt thành lưới thị phi, tạo thành cái lòng của yêu ghét, nhìn bóng tượng trong gương phân biệt xấu đẹp, nghe tiếng dội trong hang mống khởi buồn vui, trách hạnh kiem của người huyễn hóa, mà chẳng biết năng sở song tịch, lý sự đều không. Đã tạo cái nhân mê hoặc thì phải chịu cái quả huyễn hóa.

Muốn rõ diệu lý nên truy cứu tự tâm, một niệm chứng ngộ liền tiêu hằng sa ác nghiệp, một đèn đốt lên liền phá ngàn năm đêm tối, muôn cảnh đối diện mà chẳng lập danh tướng, mê ngộ chẳng còn, trạm nhiên trong sạch, thân tâm thấy nghe tùy duyên duyên tánh, phóng khoáng tung hoành, tiêu dao tự tại, sự tiếp xúc hằng ngày đều là giải thoát bất tư nghi, cũng là Đạo tràng đại tịch diệt.

Nay khuyên các vị hậu hiền nên đi theo đường lối này, dầu cho nghe mà chẳng tin, cũng được gieo trồng giống Phật; dầu cho học mà chưa thành cũng được phước báo trời người, huống là chứng quả thành Phật, chẳng có gì bằng!

Những lời trên đây đều có ghi đủ trong kinh điển của Phật, chẳng phải khi không mà đặt ra, xin học giả hãy tự xem xét kỹ!

TIỂU SỬ CỦA NGÀI VĨNH MINH

(Dịch từ Chi Nguyệt Lục, quyển 24, Tục Tạng Kinh)

Thiền sư Diên Thọ ở Vĩnh Minh, họ Vương, người Hàng Châu. Thuở nhỏ đã biết kính Phật thừa, lớn lên một ngày chỉ ăn một bữa. Tụng kinh Pháp Hoa hai tháng đã thuộc lòng, cảm thông được bày dê quỳ nghe. Đến tuổi hai mươi tám, làm quan chức Chấn Tướng xứ Huê Đình, gặp ghe lưới đều mua hết cá rồi thả xuống sông. Y chỉ Thúy Nham học pháp xuất thế gian, được vua Văn Mục khen ngợi và cho phép xuất gia, trì hạnh Đầu đà rất tinh tấn; nhập định ở núi Thiên Thai ba tháng, có loài chim làm tổ trên áo. Kế đó tham học với Đức Thiệu Quốc Sư (Tổ thứ nhì của Pháp Nhãn tông), được ngộ và thọ tâm ấn. Ban đầu trụ trì chùa Tuyết Đậu, sau cùng dời đến chùa Vĩnh

Minh, trụ trì mười lăm năm, học chúng có hai ngàn vị. Người đòi cho là Di Lặc hạ sanh.

*

Tăng hỏi: Thế nào là diệu chỉ của Vĩnh Minh?

Đáp: Đốt thêm nhang đi.

Tăng nói: Tạ sư khai thị.

Sư đáp: Chẳng dính dáng gì cả.

Tăng lễ bái.

Sư nói nghe bài kệ đây:

Muốn biết diệu chỉ của Vĩnh Minh,
Trước cửa sẵn đầy hồ nước trong.
Mặt trời chiếu thì rọi ánh sáng,
Có gió thổi thì nổi làn sóng.

*

Hai vị Tăng đến tham học, Sư hỏi một Tăng: Từng đến đây chăng?

Tăng nói: Đã có đến.

Hỏi Tăng kia: Từng đến đây chăng?

Đáp: Chưa từng đến.

Sư nói: Một đắc một thất.

Một hỏi thị giả hỏi: Hai vị Tăng vừa rồi, chăng biết vị nào đắc, vị nào thất?

Sư hỏi: Người biết hai vị này chăng?

Đáp: Không biết.

Sư nói: Trong một hàm chăng có đất khác.

*

Về cốt tủy của chư Phật chư Tổ, Sư có nhắc đến ngài Ca Diếp Ba vừa nghe kệ sau đây liền được chứng Sơ quả, kệ rằng:

Các pháp tùy duyên sanh,
Các pháp tùy duyên diệt.
Thầy ta đại Sa môn,
Lời này luôn luôn thuyết.

Bồ tát Long Thọ lại có bài kệ rằng:

Chẳng vật tùy duyên sanh,
Chẳng vật tùy duyên diệt.
Sanh chỉ các duyên sanh,
Diệt chỉ các duyên diệt.

Do hai bài kệ trên được biết, **sắc** sanh chỉ là **không** sanh, **sắc** diệt chỉ là **không** diệt. Ví như tánh của gió chẳng động, vì duyên khởi nên thấy động, nếu bản tánh của gió

vốn động thì đâu có bao giờ tịnh được. Trong phòng kín nếu có gió sao gặp duyên liền khởi? Chẳng những tánh gió như thế, tất cả pháp đều vậy, nghĩa là **sắc** với **không** chẳng khác.

Nên Duy Ma Cật nói với Bồ tát Văn Thù rằng: Tướng chẳng đến mà đến, tướng chẳng thấy mà thấy.

Văn Thù nói: Đúng thế, nếu đến rồi thì chẳng đến nữa, nếu đi rồi thì chẳng đi nữa. Tại sao? Kẻ đến chẳng có chỗ xuất phát, kẻ đi chẳng có chỗ đến, cái sở thấy chẳng thể thấy nữa, ấy là ý chỉ của duyên khởi Vô sanh vậy.

Hỏi: Bài kệ của ngài Trường Sa rằng:

Người học đạo sao chẳng biết chơn?
Chỉ vì xưa nay nhận thức thân.
Nguồn gốc sanh tử từ vô thủy,
Si mê cho là bốn lai nhân.

Vậy lia tánh thức riêng có chơn tâm ư?

Đáp: Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật vì A Nan phân tích kỹ càng, người còn chẳng tin. A Nan cho tư tưởng suy tìm là tâm, đã bị Phật quở. Tư tưởng suy tìm là thức, nếu dùng ý thức suy nghĩ, hành theo danh tướng thì sanh phiền não, ấy gọi là thức, chẳng gọi là tâm. “Ý” tức là ghi nhớ, tưởng nhớ cảnh xưa, sanh khởi nơi vọng đều là vọng thức, chẳng dính dáng với tâm. Bản tâm phi hữu phi vô, hữu vô đều chẳng nhiễm, cho đến mê, ngộ, thánh, phàm, đi, đứng, nằm, ngồi, đều là vọng thức, chẳng phải tâm vậy. Tâm xưa vốn chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt. Nếu biết tự tâm như thế thì chư Phật cũng vậy, nên Duy Ma Cật nói: “Trực tâm là đạo tràng”, vì chẳng hư giả.

Sư vì Phật pháp đương thời lưu truyền ở Trung Quốc chẳng được đầy đủ, mà ba tông: Thiên Thai, Hiền Thủ, Duy Thức lại chấp tánh chấp tướng, bài xích lẫn nhau, nên mời Pháp sư thông suốt giáo lý của ba tông hội hợp lại vấn nạn với nhau, hễ khi bị kẹt nơi đại nghĩa cao tốt, thì Sư dùng yếu chỉ của Thiên tông để dung thông cùng vào nghĩa Trung đạo. Do đó, Sư thu thập Bí kinh Đại thừa liễu nghĩa sáu chục bộ, và lời dạy của các bậc Thánh Hiền ba trăm nhà, gồm người Ấn Độ và Trung Quốc, soạn thành bộ Tông Cảnh Lục một trăm quyển lưu truyền khắp thiên hạ và giúp cho giáo lý của ba tông được đầy đủ hơn.

Tăng hỏi: Bộ Tông Cảnh của Hòa thượng bàn luận, chỉ lập nhất tâm làm tông chỉ, cho là bao gồm vô lượng pháp môn. Vậy thì Tâm gồm tất cả pháp ư? Nếu nói “sanh”, là tự sanh hoặc tha sanh, hoặc cộng sanh, hoặc vô sanh ư?

Đáp: Tâm này chẳng tung chẳng hoành, phi tha phi tự, tại sao? Nếu gồm tất cả pháp tức là hoành, nếu sanh tất cả pháp tức là tung. Nếu nói tự sanh thì tâm lại sanh tâm sao? Nếu nói tha sanh thì tự còn chẳng lập, huống là có tha? Nếu nói cộng sanh thì tự tha còn chẳng có, lấy gì để cộng? Nếu nói vô nhân sanh thì hữu nhân còn chẳng cho, huống là vô nhân!

Tăng nói: Nếu bốn thứ sanh đó đều không, tại sao? Phật nói: “Ý căn sanh ý thức, tất cả do tâm tạo!” thế há chẳng phải tự sanh ư? Lại nói tâm chẳng độc khởi, phải nhờ duyên mới khởi, có duyên thì tư tưởng sanh, không duyên thì tư tưởng chẳng sanh, há chẳng phải tha sanh ư? Lại nói nhân duyên lục căn tiếp xúc lục trần, sanh ra lục thức lãnh thọ, thành tất cả pháp, há chẳng phải cộng sanh ư? Lại nói Thập nhị nhân duyên tánh tự như vậy, chẳng do Phật, trời, người hay a tu la, há chẳng phải vô nhân sanh ư?

Sư cười nói: Chư Phật ứng cơ, tùy duyên sai biệt, mong chúng sanh làm thiện phá ác, khiến vào Đệ nhất nghĩa đế. Nói bốn thứ sanh ấy chỉ là lời phương tiện, như nắm tay không để gạt trẻ con, đâu có pháp thật!

Hỏi: Thế thì tất cả pháp **thị** (*đúng*) là tâm ư?

Đáp: Nói **thị** tức là hai.

Hỏi: Thế thì tất cả pháp đều lập **phi** (sai) ư?

Đáp: **Phi** cũng thành hai. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói “Chơn Văn Thù chẳng **thị** Văn Thù, nếu có **thị** là hai Văn Thù, nhưng ta hôm nay **phi** chẳng Văn Thù, trong đó thật chẳng có hai tướng **thị** và phi”.

Hỏi: Đã hai tướng thì sùng nhất được chăng?

Đáp: Thị phi đã nghịch đại chỉ, nhất cũng trái viên tông.

Hỏi: Vậy dùng tâm như thế nào mới khế hợp Tông chỉ này?

Đáp: Cảnh và trí đều quên, còn nói gì khế hợp nữa!

Hỏi: Thế thì ngôn ngữ và suy tư chấm dứt, tâm trí cắt tuyệt?

Đáp: Ấy cũng là lời nói miễn cưỡng, xoay chuyển theo ý của người khác, dù muốn ẩn hình mà chưa quên dấu tích.

Hỏi: Thế nào được hình tích đều quên?

Đáp: Vốn chẳng triệu chứng dấu tích, có gì để quên!

Hỏi: Con biết rồi. Khi được đại ngộ mới được tự rõ, như người uống nước lạnh, nóng tự biết phải chăng?

Đáp: Cửa ải chúng ta chẳng có lý rõ hay không rõ, cũng chẳng mê ngộ.

Xò tay trình ông chẳng một vật,
Uổng công lao nhọc thuyết ngàn lời.

Chẳng phải người thượng căn (*tin tự tâm*) thì chẳng thể gánh vác việc này. Cổ Đức nói: “Khắp mười phương thế giới, tìm một người bạn chẳng ra, chỉ một người thừa kế ngôi Tổ, chẳng có người thứ hai”. Nếu chưa đích thân đến chỗ cứu cánh, chỉ làm nhọc tinh thần suy tư, dấu cho nói huyền lại thêm huyền, diệu lại thêm diệu, cũng chỉ là lời phương tiện để giúp cho được vào cửa, đến khi nơi bốn phận được đích thân chiếu soi (*kiến tánh*), xem lại những phương tiện huyền diệu đều là ma thuyết, vọng tâm trôi nổi, đủ thứ kiến giải khôn khéo đều chẳng thể thành tựu Viên Giác, chỉ là dấu tích hình tướng ngôn ngữ, nếu chấp lời phương tiện thì mê đạo chơn thật. Cần đến nơi đầu sào trăm thước, buông thân xả mạng mới được.

Tăng nói: Xin cho một lời dạy cuối cùng.

Sư nói:

Kẻ huyễn hóa hỏi người huyễn hóa,
Nước suối đáp tiếng dội trong hang.
Muốn thông đạt Tông chỉ của ta,
Trâu đất bước đi trên nước bằng.

Người dạy đệ tử rằng: Chánh tông của Phật Tổ là chơn Duy thức, hễ có chỗ tin (*tin tự tâm*) đều có thể dạy người. Nếu luận về cửa tu chứng, thì bậc Trưởng lão các nơi đều nói “Công dụng chưa so bằng chư Thánh”. Nhưng trong giáo môn cũng cho rằng, sơ tâm Bồ tát cũng có thể do so sánh mà biết, cũng do theo ngôn giáo của Phật mà hội,

trước dùng văn giải tín nhập, sau dùng vô tư (*chẳng suy tư*) khế đồng, vừa vào cửa tín, bèn lên ngôi Tổ. Hiện nay, theo việc thế gian trong thế giới này, dù chưa chứng ngộ, cũng có ba thứ biết về chánh pháp: một là so sánh biết, hai là hiện biết, ba là theo ngôn giáo mà biết.

Thế nào là so sánh biết? Cũng như cái thân hữu lậu này đều có chiêm bao, trong chiêm bao thấy có cảnh giới tốt, xấu, vui, buồn rõ ràng, khi thức tỉnh mới biết nằm yên trên giường, tất cả đều do tư tưởng ý thức làm nên, đâu có thật. Đem việc chiêm bao so sánh với việc thức tỉnh thì khi thức tỉnh cũng như chiêm bao chẳng thật, cảnh giới quá khứ, vị lai, hiện tại vốn là thân tướng phần của thức thứ tám, cảnh hiện tại là do mình liễu ý thức suy tư, đều do bản thức biến hiện ra, nên trong chiêm bao với lúc thức tỉnh dù khác, đều chẳng ra ngoài ý thức, thế thì ý chỉ của duy tâm do so sánh được bày tỏ rõ ràng.

Thế nào là hiện biết? Tức là đối với cảnh phân minh, chẳng cần so sánh, cũng như hiện nay thấy các vật xanh, trắng, bản tánh các vật vốn tự trống rỗng, chẳng nói ta xanh ta trắng, đều do nhãn thức với đồng thời ý thức so đo phân biệt, cho là xanh là trắng, cho ý thức phân biệt là màu sắc, dùng ngôn thuyết làm xanh làm trắng, đều thuộc về dấu tích của ý ngôn (*ngôn ngữ của ý thức*) vọng tự đặt ra, vì lục trần vốn lay động, thể chẳng tự lập, tên chẳng tự gọi, một sắc đã vậy, thì muôn pháp cũng như thế, chẳng có tự tánh, đều là ý ngôn, nên nói vạn pháp vốn thanh nhàn, do người tự náo động. Cho nên khi hữu tâm sanh khởi thì vạn cảnh đều có, vô tâm sanh khởi thì vạn cảnh đều không. Nhưng không chẳng tự không, do tâm nên không; hữu chẳng tự hữu, do tâm nên hữu; đã là phi không phi hữu, tức là duy thức, duy tâm. Nếu vô nơi tâm thì vạn pháp đặt ở chỗ nào? Cũng như cảnh quá khứ đâu phải có, tùy chỗ niệm khởi bồng hiện, nếu tưởng niệm chẳng sanh thì cảnh cũng chẳng hiện, ấy đều là cuộc sống hằng ngày có thể hiện biết, chẳng nhờ tu tập, chẳng đợi công thành. Phạm loài hữu tâm đều có thể chứng biết. Nên Cổ Đức nói: “Nhu người thượng căn biết pháp Duy thức, thường quán tự tâm, biết ý ngôn làm cảnh, kẻ sơ quán dù chưa thành bậc Thánh, đã thấu nghĩa của ý ngôn, tức là sơ tâm Bồ tát”.

Thế nào theo ngôn giáo mà biết? Kinh nói: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, bản lý của vạn pháp hiện ra, hay giải thích kỹ càng về chánh tông vậy”.

Sư thừa đại nguyện lực, làm Pháp thí chủ nơi Trung Quốc, trụ trì chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, độ đệ tử một ngàn năm trăm người, vào núi Thiên Thai truyền giới hơn mười ngàn người, thường thọ giới Bồ tát cho thất chúng, ban đêm thí thực, ban ngày phóng sanh, lục thời tán hoa, ngày đêm tu trì, đông, hạ chẳng ngừng, tiếng tăm truyền khắp nước ngoài. Vua Cao Ly sai Tăng vượt biển hỏi đạo, trong số đó có ba mươi sáu vị được Sư thọ Tâm ấn. Vua Cao Ly gửi thư xin làm đệ tử đúng lễ.

Buổi sáng ngày 26 tháng chạp năm thứ 8, niên hiệu Khai Bửu, Sư thị hiện có bệnh, đốt nhang báo cáo đại chúng, ngồi kiết già viên tịch, thọ 72 tuổi, hạ 42. toàn thân nhập tháp núi Đại Từ.
